TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HN-ST

Ngày: 15-5-2026

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

2. Bà Phạm Thị Thuý Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2026/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Duy A, sinh năm 2000. Địa chỉ cư trú: quốc lộ B, thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: 147/2 ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Chị A, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/4/2026 và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Duy A trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Lý do: Chị và anh N do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2022. Vợ chồng sống chung thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Mặc dù đã được gia

đình hai bên hoà giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Đã không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày trong quá trình tố tụng:*

1. Về hôn nhân: Về điều kiện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng, anh thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Duy A. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Duy A.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Duy A, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*. Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Duy A là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn N là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Duy A và anh Nguyễn Văn N đều có đơn xin vắng, nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Duy A, thấy rằng:

Chị A và anh N tuy tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nhưng quá trình sống chung thời gian không dài. Chị A và anh N đều thừa nhận đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng không tìm được hướng giải quyết mà để mặc cho mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Nay tình cảm không còn, chị A làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện triệu tập đến Toà để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng chị A và anh N đều xin vắng, điều đó chứng minh chị A và anh N đều không có ý muốn hoà giải đoàn tụ. Nay cả chị A và anh N đều có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá

trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ giữa chị A và anh N là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị A và anh N trình bày không có.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị A và anh N trình bày không có, không giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung của vợ chồng: Chị A và anh N trình bày không có, không giải quyết.

[2.5]. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn: Chị An chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Duy A.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Duy A được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Duy A và anh Nguyễn Văn N trình bày không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Duy A và anh Nguyễn Văn N trình bày không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Duy A và anh Nguyễn Văn N trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Duy A phải chịu. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007386 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng